

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-MNĐQ ngày 17/03/2025 của Trường MN Đồng Quang)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	646,5	646,5	0,0	0,0	0,0
1	Số thu phí, lệ phí	259,1	259,1	0,0	0,0	0,0
1.1	Lệ phí					
1	Lệ phí A					
1.2	Phí	259,14	259,14	0,00	0,00	0,00
	Thu học phí	259,14	259,14	0,00	0,00	0,00
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Thu sự nghiệp khác (học hè)	387,36	387,36	0,00	0,00	0,00
B	Chi từ nguồn thu được để lại	272,96	272,96	159,94	113,03	0,00
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại (học phí)	272,96	272,96	159,94	113,03	0,00
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	272,96	272,96	159,94	113,03	0,00
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	272,96	272,96	159,94	113,03	0,00
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
						
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.071,7	6.071,7	4.100,0	1.942,5	0,0
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.042,5	6.042,5	4.100,0	1.942,5	0,0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.451,8	5.451,8	4.100,0	1.351,8	0,0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	590,7	590,7	0,0	590,7	0,0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu	29,207	29,207	0,0	0,0	0,0
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu	29,207	29,207	0,0	0,0	0,0
	Phụ cấp giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập	23,947	23,947	0,0	0,0	0,0
	Hỗ trợ tiền ăn trưa	3,9	3,9	0,0	0,0	0,0
	Cấp bù học phí	1,313	1,313	0,0	0,0	0,0

Nhật Quang, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ

Trần Thị Bích Xòe

0

